

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 34/2018/HSST
Ngày: 19-9-2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Phong.

2. Ông Lê Đình Hoan.

-Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 26/2018/TLST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1986, tại tỉnh Đắk Lắk ;nơi ĐKKHKT: phường Tân L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; cư trú tại: phường K X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Tôn giáo: Thiên chúa; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Nguyễn Hoàng T2 và con bà Nguyễn Thị H; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Quý T3, có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/3/2018. Hiện đang giam, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của Tòa án:

Luật sư Lê Xuân Q, Văn phòng luật sư Đại A, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Người bị hại:

1. Bà Phạm Thị Bích P;

Trú tại: Phường T L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Phi H1;

Trú tại: Phường T5L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Tấn T4;

Trú tại: 152 QT, phường T N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

4. Ông Đỗ Văn L2;

Trú tại: 261 P C T, phường T L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị Quý T3 – Sinh năm 1992.

Trú tại: Phường K X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Hà Quốc D – Sinh năm 1990.

Trú tại: Phường T L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Bà Đinh Thị Ngọc H2.

Trú tại: Phường T L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 07/3/2018, chị Phạm Thị Bích P, sinh năm 1987, trú tại phường T L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry biển kiểm soát 47A-047.79 đến phòng tập thể dục Đình C ở phường T L, Thành phố B. Đến nơi, chị P đỗ xe ở lề đường rồi đi vào phòng tập, để chìa khoá xe ô tô (remote) ở trên bàn gần quầy tính tiền.

Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1986, trú tại phường KX, thành phố B cũng đến phòng tập trên gặp anh Hà Quốc D, là nhân viên quản lý phòng tập để hỏi chi phí tập luyện. Trong lúc nói chuyện với anh D thì T phát hiện chìa khoá xe ô tô của chị P để trên bàn nên nảy sinh ý định lấy trộm chìa khoá xe để lục tìm kiếm tài sản. Để thực hiện được hành vi lấy trộm chìa khoá xe T đã đánh lạc hướng chú ý của anh D bằng cách mua 01 chai nước lọc và trả số tiền 500.000 đồng mục đích là để anh D trả lại tiền cho mình để T có thời gian lấy trộm chìa khoá xe ô tô để trên bàn. Do anh D không có tiền trả lại cho T nên đã đi ra ngoài để đổi tiền lúc này T lấy chìa khoá xe ô tô để trên bàn bỏ vào trong túi quần của mình.

Sau khi lấy được chìa khoá xe ô tô thì T đi ra ngoài đường bấm nút trên chìa khoá để xác định chìa khoá đang cầm là của xe ô tô nào thì đèn xi nhan của xe ô tô Toyota Camry, biển kiểm soát: 47A-047.79 nháy sáng. T mở cửa xe và điều khiển xe ô tô đi đến đầu tại phường K X, thành phố B. Lúc này, T lục lại xe ô tô và lấy được số tiền 10.103.000 đồng sau đó T bỏ xe lại vị trí nêu trên và đi về nhà.

Đến khoảng 10 giờ 55 phút cùng ngày chị P ra lấy xe về thì phát hiện xe đã bị mất nên đã trình báo Cơ quan Công An.

Quá trình điều tra, Nguyễn Hoàng T còn khai nhận đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản là chìa khoá xe ô tô tại các cửa hàng xe ô tô trên địa bàn thành phố B, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Ngày 01/3/2018, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Air Blade biển số 47G1-135.66 của gia đình T đến cửa hàng xe ô tô Anh L2, địa chỉ: thành phố B. Khi đến nơi T hỏi mua xe, sau đó đề nghị được lái thử xe Toyota Altis màu nâu, T cùng

nhân viên của tiệm lái xe đi thử. Sau khi thử xe và trả xe lại cho tiệm, lúc xuống xe lợi dụng nhân viên đi cùng không để ý thì T rút chìa khóa đang được cắm trên ổ khóa của xe rồi bỏ vào túi quần ra về.

Vụ thứ hai: Ngày 05/3/2018, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Air Blade biển số 47G1-135.66 của gia đình đến cửa hàng xe ô tô Phi L3, địa chỉ thành phố B để hỏi mua xe. T đi lòng vòng xem xe, mở cửa ngồi vào trong xe ô tô Ford Ranger, thấy không ai để ý đến thì T rút chìa khóa đang cắm trên ổ khóa của xe rồi bỏ vào túi quần. Lấy được chìa khóa xe ô tô Ford Ranger xong, nhưng không bị phát hiện nên T tiếp tục sang xe ô tô Toyota Altis, mở cửa xe vào ngồi bên trong, rút chìa khóa đang cắm trên ổ khóa, bỏ vào túi quần rồi ra về.

Vụ thứ ba: Ngày 07/3/2018, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Air Blade biển số 47G1-135.66 của gia đình đi đến cửa hàng xe ô tô Dung T4, địa chỉ TP. B, tỉnh Đắk Lắk. Tại đây, T hỏi về giá cả, chi phí phụ tùng xe ô tô rồi xin phép quản lý của tiệm được đi lại trong tiệm để xem hàng hóa, phụ tùng xe ô tô. T thấy trên khu vực nắp Capô – cần gạt nước của xe ô tô Mazda 2 có để chìa khóa xe. Lợi dụng lúc không ai để ý, T lấy trộm khóa xe, bỏ vào túi quần rồi ra về.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 420 ngày 09/3/2018 của hội đồng định giá tài sản tỉnh Đắk Lắk kết luận: 01 xe ô tô Toyota Camry 2.5Q màu đen, biên kiểm soát 47A-047.79 có giá 730.000.000 đồng (*Bảy trăm ba mươi triệu đồng*).

Tại bản kết luận định giá số 826 ngày 26/4/2018 của của hội đồng định giá tài sản tỉnh Đắk Lắk kết luận:

- Giá trị của 01 chìa khóa điện tử xe ô tô có lô gô của hãng Toyota; số loại COROLLA ZRE 143L-GEPVKG; sản xuất năm 2010, có 03 nút bấm là: 1.800.000 đồng (*Một triệu tám trăm ngàn đồng*);

- Giá trị của 01 chìa khóa điện tử xe ô tô bán tải có lô gô của hãng Ford, số loại RANGER XLS, sản xuất năm 2015, có 03 nút bấm là: 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*);

- Giá trị của 01 chìa khóa điện tử xe ô tô con có lô gô của hãng Toyota, số loại COROLLA GZRE 172LGEFGK, sản xuất năm 2015, có 03 nút bấm là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

- Giá trị của 01 chìa khóa điện tử xe ô tô con có lô gô của hãng Mazda, số loại Mazda 2 là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

Tổng giá trị tài sản của 04 vụ là: 748.903.000 đồng (*Bảy trăm bốn mươi tám triệu chín trăm lẻ ba ngàn đồng*).

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã tạm giữ các đồ vật, tài liệu sau:

- 01 chai nhựa màu đen có chữ “sốt bít tết”, trọng lượng 250g; 01 túi xách tay màu đỏ viền kim loại màu vàng, kích thước (15x8x4)cm, 01 xe ô tô Toyota Camry biên kiểm soát 47A-047.79 của chị Phạm Thị Bích P.

- 01 túi xách màu đen có dây đeo, rộng 22cm, cao 18cm; 01 remote xe ô tô màu đen, dài 6cm, rộng 3,5cm mặt trước ở giữa có 4 phím, 1 phím trên cùng màu đỏ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4; số tiền 10.103.000 đồng của Nguyễn Hoàng T.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade màu trắng xám, biển số 47G1-135.66; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 003183 mang tên Lương Thị T5; 01 giấy bán xe mô tô biển số 47G1-135.66 ngày 16/5/2017; 01 remote màu đen có logo Toyota có dán miếng giấy ghi chữ “Altis 2015 nâu”; 01 remote màu đen logo Ford có 3 nút bấm; 01 remote màu đen logo Toyota có 3 nút bấm trong đó có 1 nút bấm màu đỏ của Nguyễn Thị Quý T3.

- 01 quyết toán sửa chữa xe ô tô Mazda2 biển kiểm soát 47A-174.15 của Nguyễn Tấn Hoài S.

- 01 bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 47A-160.01; 01 bản phô tô giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển kiểm soát 47A-160.01 của Lê Trung D.

- 01 bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký xe Toyota Corola Atist biển kiểm soát 67A-029.63; 01 bản phô tô giấy chứng nhận đăng kiểm của xe ô tô Toyota Corola Atist biển kiểm soát 67A-029.63; 01 bản phô tô phiếu sang tên, di chuyển xe Toyota Corola Atist biển kiểm soát 67A-029.63; 01 bản phô tô giấy đăng kiểm ô tô Ford Ranger biển kiểm soát 68C-033.80; 01 bản phô tô hợp đồng mua bán xe Ford Ranger biển kiểm soát 68C-033.80 của Trương Công C1.

- Thu giữ dữ liệu từ Camera quán cơm “P Q” địa chỉ thành phố B của chị Phạm Thị Th.

- Thu giữ dữ liệu từ Camera của cửa hàng xe ô tô Dung T4 địa chỉ thành phố B của Nguyễn Tấn T4.

- Ngày 23/3/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công An tỉnh Đắk Lắk đã trả lại 01 xe ô tô Toyota Camry màu đen, biển kiểm soát 47A-047.79 cùng chìa khoá xe ô tô; số tiền 10.103.000 đồng; 01 túi xách màu đen, 01 chai nhựa màu đen có chữ “sốt bít tết”, trọng lượng 250g; 01 túi xách tay màu đỏ viền kim loại màu vàng, kích thước (15x8x4)cm cho chị Phạm Thị Bích P.

- Ngày 23/5/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công An tỉnh Đắk Lắk đã trả lại 01 chìa khoá điện tử của xe ô tô có logo của hãng Toyota có 3 nút bấm cho anh Trần Niê T5 là người được cửa hàng xe ô tô Anh L2 uỷ quyền đến nhận tài sản.

- Ngày 23/5/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công An tỉnh Đắk Lắk đã trả lại 01 chìa khoá điện tử xe ô tô bán tải có logo Ford Ranger có 3 nút bấm; 01 chìa khoá điện tử xe ô tô có logo Toyota Corola có 3 nút bấm chỉ anh Nguyễn Phi H1 là chủ sở hữu.

Bản cáo trạng số 26/CT-VKS-P2 ngày 02/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hoàng T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cơ bản phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tranh hỏi người bị hại không yêu cầu bồi thường. Riêng anh Nguyễn Tấn T4 yêu cầu bị cáo Nguyễn Hoàng T bồi thường số tiền 4.662.100 đồng chi phí thực tế sửa chữa thay mới khoá xe Mazda biển kiểm soát 47A-174.13. Nhưng trước khi mở phiên tòa bà Nguyễn Thị Mỹ D1 có đơn bãi nại cho rằng gia đình T đã

hoàn trả tài sản cho cửa hàng D T4 và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Hoàng T.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo đồng thời giữ nguyên Cáo trạng số 26/CT-VKS-P2 ngày 02 tháng 7 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng "phạm tội 02 lần trở lên" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo là người có nhân thân tốt. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho cửa hàng ô tô D T4 và được chủ cửa hàng bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s khoản 1,2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm tội "*Trộm cắp tài sản*"; Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm b,s khoản 1,2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T từ 14 năm đến 15 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra những người bị hại không yêu cầu bồi thường nên không cần đặt ra để giải quyết. Riêng anh Nguyễn Tấn T4 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 4.662.100 đồng chi phí thực tế sửa chữa thay mới khoá xe Mazda biển kiểm soát 47A-174.13 và cung cấp tài liệu, chứng cứ là quyết toán sửa chữa xe ô tô Mazda2 biển kiểm soát 47A-174.13 của Nguyễn Tấn Hoài S. Tuy nhiên, trước khi mở phiên tòa bà Nguyễn Thị Mỹ D1 là chủ cơ sở có đơn bãi nại cho rằng gia đình T đã hoàn trả tài sản cho cửa hàng D T4 và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Hoàng T nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản hợp pháp cho các chủ sở hữu quản lý sử dụng.

Riêng chiếc xe mô tô biển số 47G1-135.66 nhãn hiệu Honda AirBlade màu trắng xám là của vợ c H 2 T. Do vậy, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước ½ giá trị chiếc xe mô tô, biển số 47G1-135.66 nhãn hiệu Honda AirBlade màu trắng xám; và các giấy tờ có liên quan.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng T cho rằng: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo về tội "*Trộm cắp tài sản*" là có căn cứ. Tuy nhiên, truy tố theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự là không thỏa đáng vì bị cáo không có ý thức chiếm đoạt chiếc xe ô tô. Bị cáo phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người có nhân thân tốt, đã bồi thường cho người bị hại và được người bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b,s khoản 1,2 Điều 51 BLHS giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì thêm mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì hoàn cảnh gia đình quá khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Nguyễn Hoàng T tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, cơ bản là phù hợp với lời khai của những người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Do ý thức coi thường luật pháp, động cơ tham lam tư lợi, nên trong thời gian từ ngày 01/3/2018 đến ngày 07/3/2018, Nguyễn Hoàng T đã lén lút thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản là chìa khoá xe ô tô, xe ô tô và tiền của người dân trên địa bàn thành phố B với tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 748.903.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Hoàng T đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự .

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;”

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng đã xâm phạm đến quyền về tài sản của công dân; đồng thời gây mất trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Bị cáo biết rõ tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều bị trừng trị. Song, với ý thức coi thường pháp luật, vì động cơ tư lợi cá nhân mà trong thời gian từ ngày 01/3/2018 đến ngày 07/3/2018 bị cáo đã lén lút thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản là 748.903.000 đồng. Bị cáo phạm tội với tính tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52BLHS. Do đó, cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã khai nhận các lần phạm tội trước đó, tài sản đã được trả lại cho người bị hại; bị cáo là người có nhân thân tốt, đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại và được người bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b,s,r khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần xem xét cân nhắc khi quyết định hình phạt.

Ý kiến bào chữa của Luật sư cho rằng, Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đưa ra xét xử bị cáo theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự là không thỏa đáng vì bị

cáo không có ý thức chiếm đoạt chiếc xe ô tô là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người bị hại không yêu cầu bồi thường nên không cần đặt ra để giải quyết. Riêng anh Nguyễn Tấn T4 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 4.662.100 đồng chi phí thực tế sửa chữa thay mới khoá xe Mazda biển kiểm soát 47A-174.13. Tuy nhiên, trước khi mở phiên tòa bà Nguyễn Thị Mỹ D1 là chủ cơ sở có đơn bãi nại cho rằng gia đình T đã hoàn trả tài sản cho cửa hàng D T4 và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Hoàng T nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về vật chứng: - Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công An tỉnh Đắk Lắk đã trả lại các tài sản sau: Ngày 23/3/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công An tỉnh Đắk Lắk đã trả lại 01 xe ô tô Toyota Camry màu đen, biển kiểm soát 47A-047.79 cùng chìa khoá xe ô tô; số tiền 10.103.000 đồng; 01 túi xách màu đen, 01 chai nhựa màu đen có chữ “sốt bít tết”, trọng lượng 250g; 01 túi xách tay màu đỏ viền kim loại màu vàng, kích thước (15x8x4)cm cho chị Phạm Thị Bích P; ngày 23/5/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công An tỉnh Đắk Lắk đã trả lại 01 chìa khoá điện tử của xe ô tô có logo của hãng Toyota có 3 nút bấm cho anh Trần Niê T5 là người được cửa hàng xe ô tô Anh L2 uỷ quyền đến nhận tài sản; ngày 23/5/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công An tỉnh Đắk Lắk đã trả lại 01 chìa khoá điện tử xe ô tô bán tải có logo Ford Ranger có 3 nút bấm; 01 chìa khoá điện tử xe ô tô có logo Toyota Corola có 3 nút bấm cho anh Nguyễn Phi H1 là chủ sở hữu.

- Chiếc xe mô tô, biển số 47G1-135.66 nhãn hiệu Honda AirBlade màu trắng xám là của vợ chồng T. Do vậy, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô, biển số 47G1-135.66 nhãn hiệu Honda AirBlade màu trắng xám; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 47G1-135.66 nhãn hiệu Honda AirBlade màu trắng xám; 01 bản gốc giấy bán xe mô tô của tiệm “Hơn da Thủy” đối với xe mô tô, biển số 47G1-135.66 nhãn hiệu Honda AirBlade; 01 điện thoại di động Iphone 4 và 01 sim số 0915.503.537 (Có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/7/2018) là công cụ, phương tiện mà bị cáo T dùng vào việc phạm tội.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 21, 24 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

[2] Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s, r khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng T 13 (Mười ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 07/3/2018.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự:

Chấp nhận gia đình bị cáo đã bồi thường cho anh Nguyễn Tấn T4 (Nguyễn Thị Mỹ D1).

[4] Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công An tỉnh Đắk Lắk đã trả lại các tài sản sau:

+ 01 xe ô tô Toyota Camry màu đen, biển kiểm soát 47A-047.79 cùng chìa khoá xe ô tô; số tiền 10.103.000 đồng; 01 túi xách màu đen, 01 chai nhựa màu đen có chữ “sốt bít tết”, trọng lượng 250g; 01 túi xách tay màu đỏ viền kim loại màu vàng, kích thước (15x8x4)cm cho chị Phạm Thị Bích P;

+ 01 chìa khoá điện tử của xe ô tô có logo của hãng Toyota có 3 nút bấm cho anh Trần Niê T5 là người được cửa hàng xe ô tô Anh L2 uỷ quyền đến nhận tài sản;

+ 01 chìa khoá điện tử xe ô tô bán tải có logo Ford Ranger có 3 nút bấm; 01 chìa khoá điện tử xe ô tô có logo Toyota Corolla có 3 nút bấm cho anh Nguyễn Phi H1 là chủ sở hữu.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô, biển số 47G1-135.66 nhãn hiệu Honda AirBlade màu trắng xám; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 47G1-135.66 nhãn hiệu Honda AirBlade màu trắng xám; 01 bản gốc giấy bán xe mô tô của tiệm “Hơn da Thủy” đối với xe mô tô, biển số 47G1-135.66 nhãn hiệu Honda AirBlade; 01 điện thoại di động Iphone 4 và 01 sim số 0915.503.537 (Có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/7/2018) là công cụ, phương tiện mà bị cáo T dùng vào việc phạm tội.

[5] Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Hoàng T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Quyền kháng cáo:

Bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAD Tối cao tại Hà Nội;
- TAD cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công An tỉnh;
- Phòng CSĐT Công An tỉnh;
- Phòng HSNV Công An tỉnh;
- Cơ quan THA hình sự Công An tỉnh;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Dương sự;
-;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Văn Công Dân